TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH** Bản án số: 60/2019/DS-ST Ngày 28 - 10 - 2019 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đức Lập.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1939; cư trú tại tổ 1, ấp A,xã G, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:*

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1982; cư trú tại tổ 20, ấp N, xã G, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; cư trú tại tổ 20, ấp N, xã G, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị Nguyễn Thị Ngọc B là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn

Nguyễn Văn L (văn bản ủy quyền ngày 30/9/2019).

Bà T, chị B có mặt; anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2019 và lời khai có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Bà và chị B có mối quan hệ quen biết. Bà cho chị B vay số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng vào ngày 09/5/2019, chị B có làm biên nhận thể hiện chị B phải trả hàng tháng cho bà 5.000.000 (năm triệu) đồng, biên nhận không thể hiện lãi. Khi vay, chị B nói khi trả tiền xong sẽ cho bà tiền mua quà, ăn bánh nhưng chị B không trả tiền gốc cho bà nên bà xác định vay không có lãi. Khi vay, chị B nói là cần nên mượn. Khi bà cho chị B vay tiền anh L không biết. Đến khi chị B vỡ nợ, bà cũng không đến đòi, mấy chủ nợ nói kiện ra tòa nên bà cũng kiện. Từ khi vay đến nay, chị B không trả dần cho bà như thỏa thuận. Nay bà yêu cầu vợ chồng anh L và chị B trả số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Chị và bà T có mối quan hệ quen biết. Chị có vay của bà T số tiền 40.000.000 đồng, không nhớ rõ ngày vay, có làm biên nhận do bà T giữ. Chị vay của bà T với lãi suất 6%/tháng. Chị xác định vay có lãi. Chị chỉ đưa tiền lãi cho bà T, không nhớ rõ bắt đầu đóng lãi cho bà T thời gian nào do bà T không làm biên nhận lãi. Chị không yêu cầu tính lãi lại. Chị vay tiền sử dụng vào mục đích buôn bán, cho con đi học, trả khoản nợ trước đó nợ bà Võ Thị M, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Khi vay mượn nợ, chồng chị (anh L) không biết. Theo biên nhận ngày 09/5/2019, chị có hứa trả cho bà T hàng tháng trả 5.000.000 đồng nhưng không thực hiện do không có khả năng trả. Sau khi chị bị vỡ nợ, anh L mới biết chị nợ bà T. Việc chi tiêu trong gia đình do chị quản lý, chi tiêu. Chị không sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp. Do thiếu nợ nhiều người, không có khả năng trả hết nợ vay nên chị tuyên bố vỡ nợ, hứa đi Malaysia tìm việc làm trả nợ nhưng chưa tìm được việc làm thì phải về Việt Nam do Tòa án triệu tập giải quyết vụ án. Bà T yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi, chị đồng ý vợ chồng chị trả số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, đồng ý không tính lãi nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng theo thỏa

thuận trong biên nhận.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc B là đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh L không biết việc vay giữa chị và bà T. Đến khi vỡ nợ, anh L mới biết. Anh L không biết chị sử dụng tiền vay vào việc gì do mọi chi tiêu trong gia đình do chị quản lý. Bà T yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, anh L cũng đồng ý vợ chồng trả số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, đồng ý không tính lãi nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng theo thỏa thuận trong biên nhận.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, buộc vợ chồng anh L và chị B trả số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng cho bà Đỗ Thị T, ghi nhận không tính lãi; không chấp nhận yêu cầu trả dần của anh L và chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh L và chị B trả số tiền vay 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi; bị đơn cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 09/5/2019 (bút lục 38) và lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Ngày 09/5/2019, bà T cho chị B vay số tiền 40.000.000 đồng, chị B có làm biên nhận, theo đó chị B có nghĩa vụ trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho bà T. Đến nay,

chị B vẫn chưa trả số tiền này cho bà T theo thỏa thuận. Biên nhận nợ không thể hiện mục đích vay và chồng chị B là anh L không biết việc vay nợ nhưng qua lời trình bày của chị B và anh L thì mục đích vay để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Các bên đương sự không thống nhất đây là hợp đồng vay có lãi và biên nhận nợ không thể hiện có lãi nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Hợp đồng vay tài sản được các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng chị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo thỏa thuận; mặt khác, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T, chị B và anh L cùng thống nhất số tiền chị B và anh L còn nợ bà T là 40.000.000 đồng; chị B và anh L đồng ý trả cho bà T số tiền nợ vay này. Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, chị B và anh L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng) là phù hợp.

[3] Về tiền lãi: Bà Đỗ Thị T không yêu cầu chị B và anh L trả tiền lãi nên ghi nhận.

[4] Về yêu cầu trả dần của bị đơn: Bị đơn trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên yêu cầu được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng theo thỏa thuận trong giấy nợ. Xét thấy, yêu cầu trả dần của bị đơn không được bà T chấp nhận và không phù hợp Điều 466 Bộ luật Dân sự nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn L trả cho bà Đỗ Thị T 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng tiền nợ vay. Ghi nhận bà Đỗ Thị T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Bà Đỗ Thị T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thanh Hằng